TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 6 – 2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sao Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 691/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1) Nguyên đơn: Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 2002; Nơi thường trú: Ấp S, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ: Nhà T, đường A, khu phố T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2) Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1999; Nơi thường trú: 119, ấp S, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Nhà A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm T trình bày:

Bà Võ Thị Cẩm T và ông Nguyễn Hữu Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2022, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P,

thành phố R, tỉnh Kiên Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 08/06/2022. Quá trình chung sống, bà T và ông Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/4/2017 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/6/2019.

Quá trình chung sống của vợ chồng bà Võ Thị Cẩm T thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó, bà T và ông Đ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, hay cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, ông Nguyễn Hữu Đ không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, không lo kinh tế gia đình, không phụ bà T nuôi con, bà T đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, ông Đ không có sự thay đổi. Do không sống chung được nữa nên bà T và ông Nguyễn Hữu Đ đã sống riêng được 01 năm, cả hai đều không có biện pháp gì hòa giải với nhau, thời gian sống riêng ông Đ cũng không gọi điện, nhắn tin, không hỏi thăm về con, không gửi tiền nuôi con.

Bà T xác định đời sống chung với ông Nguyễn Hữu Đ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ.

Về con chung: Bà Võ Thị Cẩm T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/4/2017 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/6/2019.

Về cấp dưỡng: Bà T tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc bận không tham gia phiên tòa được nên bà Võ Thị Cẩm T yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, P xác nhận thông tin về nơi cư trú Công an phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương thể hiện bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ hiện đang sinh sống và có đăng ký tạm trú tại nhà A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Cẩm T và ông Nguyễn Hữu Đ xác lập mối quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 08/06/2022 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Võ Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, quá trình chung sống cùng ông Nguyễn Hữu Đ thì bà T không nhận được sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ trong mọi công việc gia đình như: Chăm sóc con chung, kinh tế gia đình, bà T đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hiện vợ chồng đã sống riêng từ tháng 01 năm 2024 đến nay, cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Cẩm T và ông Nguyễn Hữu Đ không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà Võ Thị Cẩm T và ông Nguyễn Hữu Đ đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Cẩm T về việc ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ.

[4.2] Về con chung: Bà Võ Thị Cẩm T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/4/2017 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/6/2019. Xét thấy, từ thời điểm ông Đ và bà T sống riêng, con chung vẫn ở cùng bà T và được bà T chăm sóc tốt. Quá trình tố tụng, ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cháu Nguyễn Minh A có nguyện vọng ở cùng với mẹ, cháu Nguyễn Minh H còn nhỏ, do đó, bà Võ Thị Cẩm T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có cơ sở, phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Cẩm T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm T.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Cẩm T đối với ông Nguyễn Hữu Đ về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/4/2017 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/6/2019 cho bà Võ Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Cẩm T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002980 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Ánh